

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 07-01-2025
V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trần Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Quốc Thanh
- Bà Đoàn Thị Mến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kim Thủy- Cán bộ TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần T- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 277/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2024/QĐXXST-DS ngày 22/11/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2024/QĐST-DS ngày 12/12/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P1

Địa chỉ: Số D (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số D L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T1. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Quỳnh H. Chức vụ: Giám đốc Giám đốc Trung tâm R (Theo Giấy ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị), vắng mặt

Địa chỉ: Số A đường L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người được ủy quyền lại: Ông Trương Anh T2, sinh năm 1983, chức vụ: Chuyên viên chính thu hồi nợ-Phòng thu hồi nợ, có mặt.

Địa chỉ: Số A đường L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
(*Giấy ủy quyền số 40/2024/UQ-OCB, ngày 29/7/2024*).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hóa K, sinh năm 1972, vắng mặt.

Và bà Phạm Thị P, sinh năm 1976, vắng mặt

Trú tại: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08-7-2024; bản tự khai ngày 16-9-2024, ngày 31-10-2024, ngày 22-11-2024; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 16-9-2024, ngày 31-10-2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 ông Trương Anh T2 trình bày:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0350B/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 27/11/2020 và Khế ước nhận nợ số 0350B/2020/KUNN-OCB-CN ngày 28/11/2020, bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K có vay của Ngân hàng TMCP P1 số tiền 3.900.000.000 đồng, lãi suất 03 tháng đầu tiên là 10,5%/năm; từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 07/01/2025, ông bà đã trả gốc là 1.300.000.013 đồng, trả lãi là 1.415.253.397 đồng, ông bà còn nợ gốc là 2.599.999.987 đồng, nợ lãi là 244.059.814 đồng, trong đó lãi trong hạn là 217.310.056 đồng, lãi quá hạn là 19.264.664 đồng, lãi chậm trả là 7.485.094 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0048/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 01/02/2021 và Khế ước nhận nợ số 0048/2021/KUNN-OCB-CN ngày 01/02/2021, bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K vay của Ngân hàng TMCP P1 số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 03 tháng đầu tiên là 10,5%/năm; từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 07/01/2025, ông bà đã trả gốc là 316.692.000 đồng, trả lãi là 358.124.678 đồng, ông bà còn nợ gốc là 683.308.000 đồng, nợ lãi là 62.449.315 đồng, trong đó lãi trong hạn là 55.222.196 đồng, lãi quá hạn là 5.375.019 đồng, lãi chậm trả là 1.852.100 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0301/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/9/2021 và Khế ước nhận nợ số 0301/2021/KUNN-OCB-CN ngày 18/9/2021, bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K vay của Ngân hàng TMCP P1 số tiền 440.000.000 đồng, lãi suất 03 tháng đầu tiên là 10,5%/năm; từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 07/01/2025, ông bà đã trả gốc là 113.677.000 đồng, trả lãi là 131.581.779 đồng, ông bà còn nợ gốc là 326.323.000 đồng, nợ lãi là 30.230.438 đồng, trong đó lãi trong hạn là 27.015.755 đồng, lãi quá hạn là 2.287.168 đồng, lãi chậm trả là 927.515 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0309/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 21/12/2024 và Khế ước nhận nợ số 0309/2022/KUNN-OCB-CN ngày 21/12/2022, bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K vay của Ngân hàng TMCP P1 số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 03 tháng đầu tiên là 17%/năm; từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 07/01/2025, ông bà đã trả gốc là 80.000.000 đồng, trả lãi là 114.964.517 đồng, ông bà còn nợ gốc là 520.000.000 đồng, nợ lãi là 51.254.844 đồng, trong đó lãi trong hạn là 46.651.932 đồng, lãi quá hạn là 3.032.651 đồng, lãi chậm trả là 1.570.261 đồng.

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0103/2024/HĐTD-OCB-CN ngày 26/4/2024 và Khế ước nhận nợ số 0103/2024/KUNN-OCB-CN ngày 26/4/2024, bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K vay của Ngân hàng TMCP P1 số tiền 360.000.000 đồng, lãi suất 03 tháng đầu tiên là 9,4%/năm; từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay tiêu dùng. Tính đến ngày 07/01/2025, ông bà chưa trả gốc lãi, ông bà còn nợ gốc là 360.000.000 đồng, nợ lãi là 29.602.645 đồng, trong đó lãi trong hạn là 27.432.247 đồng, lãi quá hạn là 1.365.534 đồng, lãi chậm trả là 804.864 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên bà P, ông K thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 365551 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho ông bà vào ngày 08/5/2019 đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 73 diện tích 11.468m² xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0305/2020/BĐ ngày 27/11/2020.

Ông bà đã trả gốc lãi các hợp đồng nêu trên đến ngày 27/5/2024 thì ngưng cho đến nay. Như vậy, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã

ký nên đại diện Ngân hàng yêu cầu bà P, ông K phải có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP P1 theo 05 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 07/01/2025 là 4.907.228.043 đồng, trong đó nợ gốc là 4.489.630.987 đồng, nợ lãi là 417.597.056 đồng, trong đó lãi trong hạn là 373.632.185 đồng, lãi quá hạn là 31.325.037 đồng, lãi chậm trả là 12.639.835 đồng.

Bà P, ông K còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo lãi suất được thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng trên tính từ ngày 08/01/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bà P, ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất thửa đất số 12, tờ bản đồ số 73 diện tích 11.468m², xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho bà P, ông K số CO 365551 ngày 08/5/2019.

Bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K là bị đơn được triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng không đến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng TMCP P1 (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K trả nợ vay theo các hợp đồng tín dụng; bà P, ông K có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về xét xử vắng mặt:* Bà P và ông K được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu bà P, ông K trả nợ cho Ngân hàng theo 05 hợp đồng tín dụng với số tiền gốc là 4.489.630.987 đồng, nợ lãi là 417.597.056 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ này.

[2] Như vậy, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc không thay đổi, tiền nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng nên không coi đây là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Xét thấy, bà P, ông K là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến, như vậy ông bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập để xem xét giải quyết.

[3.2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, từ ngày 27/11/2020 đến ngày 26/4/2024 bà P, ông K vay của Ngân hàng theo 05 hợp đồng tín dụng với số tiền là 6.300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận từ 10,5% đến 17%/năm; các hợp đồng này thực hiện tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội theo quy định tại các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[3.3] Quá trình thực hiện các hợp đồng, ông bà đã trả một phần gốc lãi các hợp đồng đến ngày 27/5/2024 thì ngưng, cụ thể trả gốc là 1.810.369.013 đồng, trả lãi là 2.019.924.371 đồng.

[4] Như vậy, ông bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc lãi theo các hợp đồng đã ký nên đại diện Ngân hàng yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi của 05 hợp đồng, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh từ 05 hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[5] *Về tài sản bảo đảm:*

[5.1] Để đảm bảo 05 hợp đồng trên, ông bà có thể chấp quyền sử dụng đất thửa số 12, tờ bản đồ số 73 diện tích 11.468m², xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho bà P, ông K số CO 365551 ngày 08/5/2019.

[5.2] Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nếu ông bà không trả nợ hoặc trả nợ không đúng và đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận để thu hồi nợ.

[6] *Về phát biểu của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Vì vậy, bà P, ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.907.000 đồng (*Tranh chấp từ trên 4.000.000.000 đồng, mức thu án phí là 112.000.000đ + 0,1% phần tranh chấp vượt 4.000.000.000 đồng*)

[8] Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

[9] *Chi phí tố tụng:* Bà P, ông K phải chịu chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng nhưng Ngân hàng đã tạm ứng nên bà P, ông K phải trả lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401, 463, 465, 466, 468; 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P1 về việc yêu cầu bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K trả nợ.

2. Buộc bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP P1 tính đến ngày 07/01/2025 như sau:

- Tại Hợp đồng tín dụng số 0350B/2020/HĐTD-OCB-CN ngày 27/11/2020 và Khế ước nhận nợ số 0350B/2020/KUNN-OCB-CN ngày 28/11/2020; bà P, ông K phải trả:

+ Nợ gốc là 2.599.999.987 đồng;

+ Nợ lãi là 244.059.814 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 217.310.056 đồng; lãi quá hạn là 19.264.664 đồng; lãi chậm trả là 7.485.094 đồng.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 0048/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 01/02/2021 và Khế ước nhận nợ số 0048/2021/KUNN-OCB-CN ngày 01/02/2021; bà P, ông K phải trả:

+ Nợ gốc là 683.308.000 đồng;

+ Nợ lãi là 62.449.315 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 55.222.196 đồng; lãi quá hạn là 5.375.019 đồng; lãi chậm trả là 1.852.100 đồng.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 0301/2021/HĐTD-OCB-CN ngày 16/9/2021 và Khế ước nhận nợ số 0301/2021/KUNN-OCB-CN ngày 18/9/2021; bà P, ông K phải trả:

+ Nợ gốc là 326.323.000 đồng;

+ Nợ lãi là 30.230.438 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 27.015.755 đồng; lãi quá hạn là 2.287.168 đồng; lãi chậm trả là 927.515 đồng.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 0309/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 21/12/2022 và Khế ước nhận nợ số 0309/2020/KUNN-OCB-CN ngày 21/12/2022; bà P, ông K phải trả:

+ Nợ gốc là 520.000.000 đồng;

+ Nợ lãi là 51.254.844 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 46.651.932 đồng; lãi quá hạn là 3.032.651 đồng; lãi chậm trả là 1.570.261 đồng.

- Tại Hợp đồng tín dụng số 0103/2024/CNE/HĐTD ngày 26/4/2024 và Khế ước nhận nợ số 0103/2024/CNE/KUNN-OCB-CN ngày 26/4/2024; bà P, ông K phải trả:

+ Nợ gốc là 360.000.000 đồng;

+ Nợ lãi là 29.602.645 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 27.432.247 đồng; lãi quá hạn là 1.365.534 đồng; lãi chậm trả là 804.864 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/01/2025) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P1, bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi trả hết nợ.

4. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp

đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

5. Trường hợp bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 12, tờ bản đồ số 73 diện tích 11.468m², xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho bà P, ông K số CO 365551 ngày 08/5/2019.

(Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0350/2020/BĐ ngày 27/11/2020 được ký giữa Ngân hàng TMCP P1 và bà Phạm Thị P, ông Lê Hóa K).

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.907.000 đồng; Ngân hàng TMCP P1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.320.000đ *(Năm mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng số 0000974 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. *Chi phí tố tụng*: Bà Phạm Thị P và ông Lê Hóa K phải trả lại cho Ngân hàng TMCP P1 chi phí tố tụng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND h.Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trần Hiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA